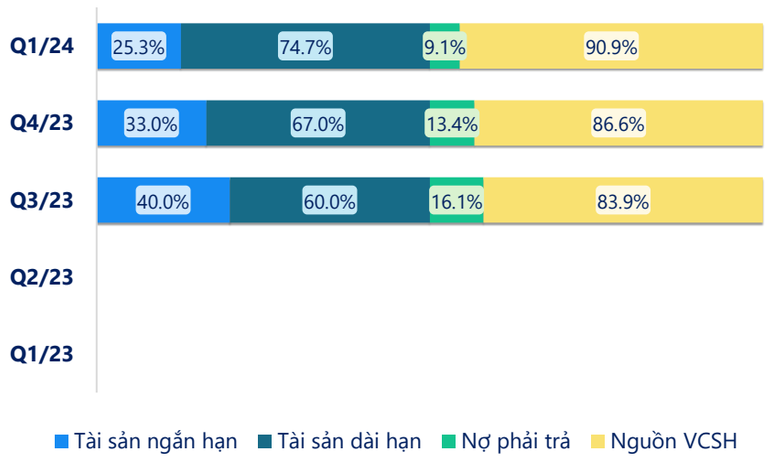
FireAnt

CTCP Hợp Nhất (UPCOM: AAH)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	10,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,200
SL cổ phiếu LH	117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	758,305
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,214
P/E	
EPS	

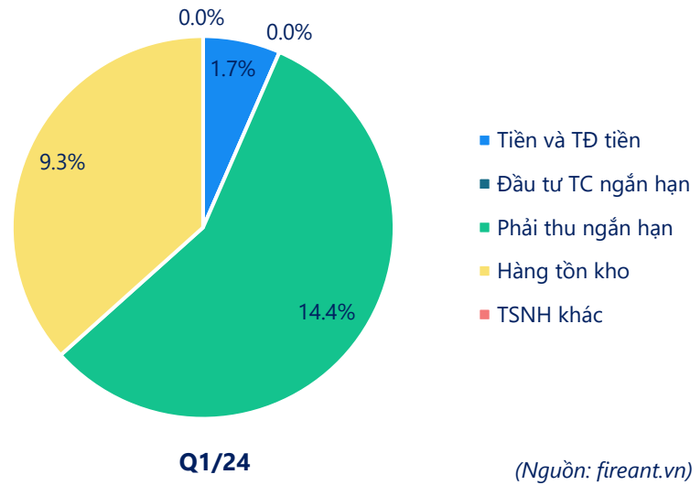
	YTD	1T	3T	6T
AAH	-23.7%	-39.4%	-41.5%	
VNINDEX	0.1%	1.1%	5.9%	

Cơ cấu Tổng tài sản



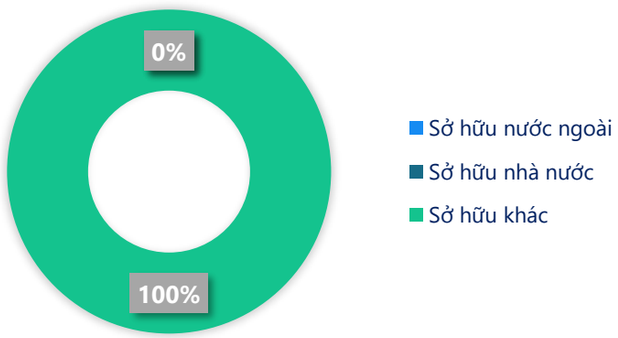
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



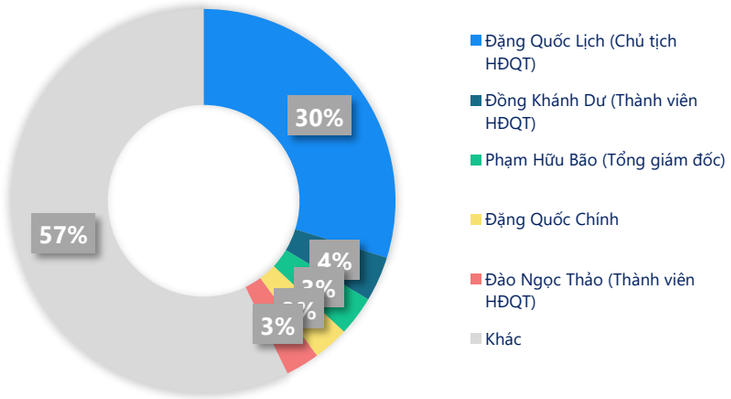
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



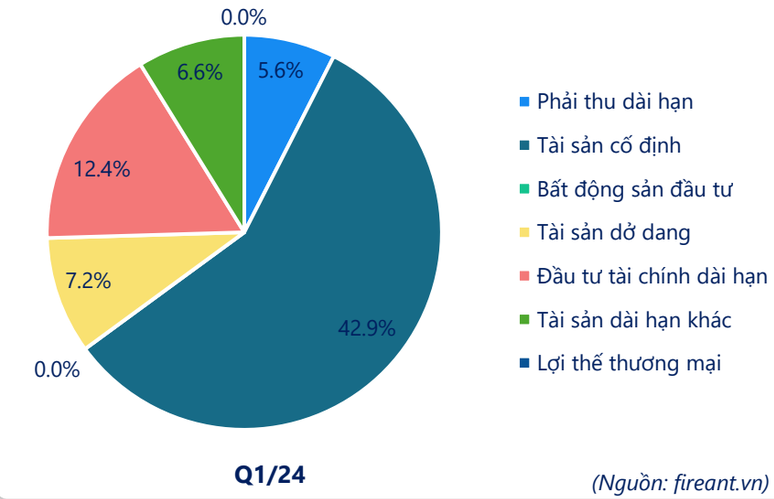
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

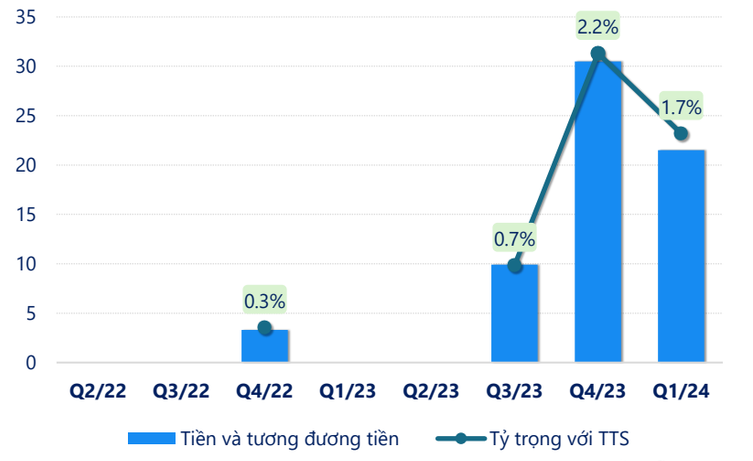


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

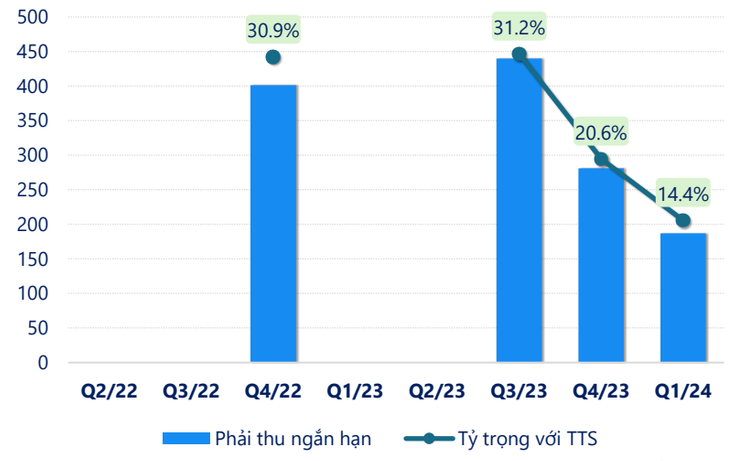
CTCP Hợp Nhất (UPCOM: AAH)

Tiền và tương đương tiền



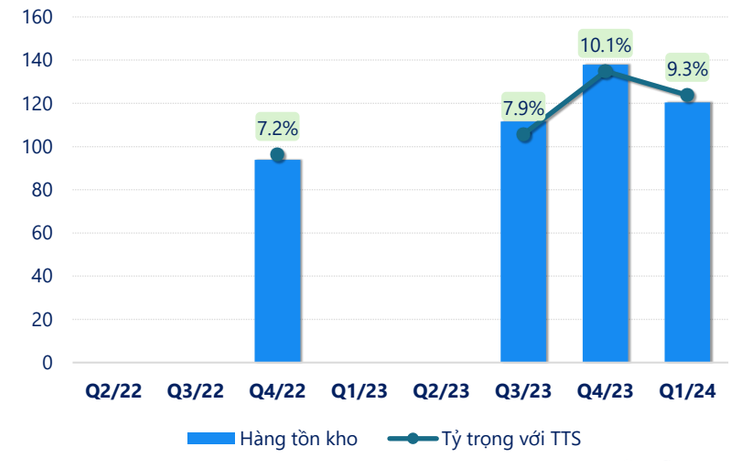
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



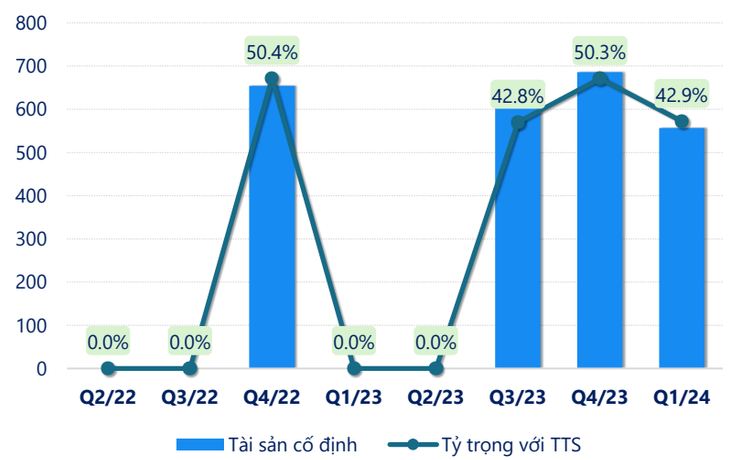
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



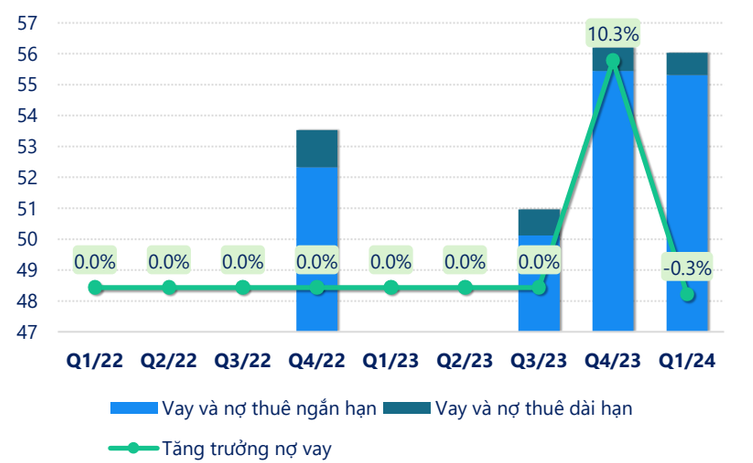
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



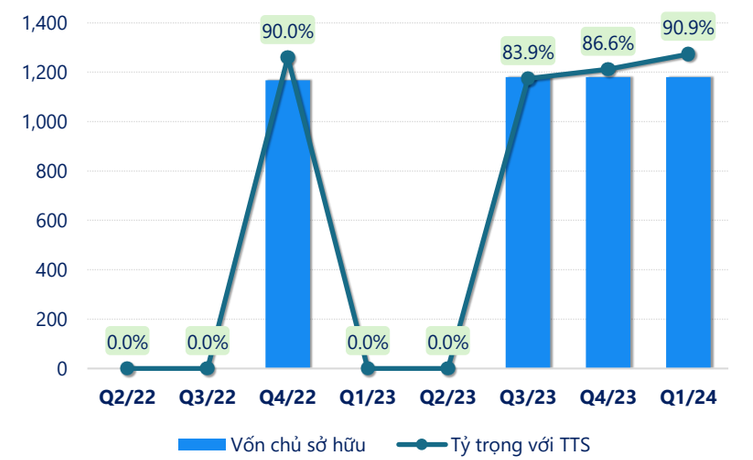
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

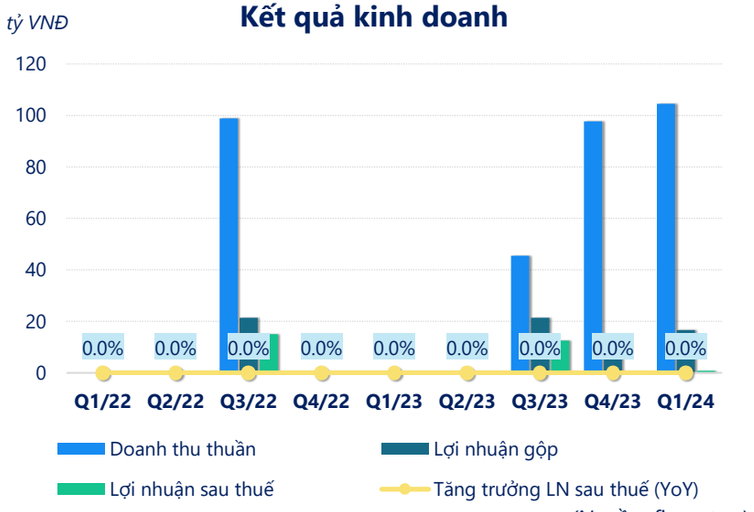
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

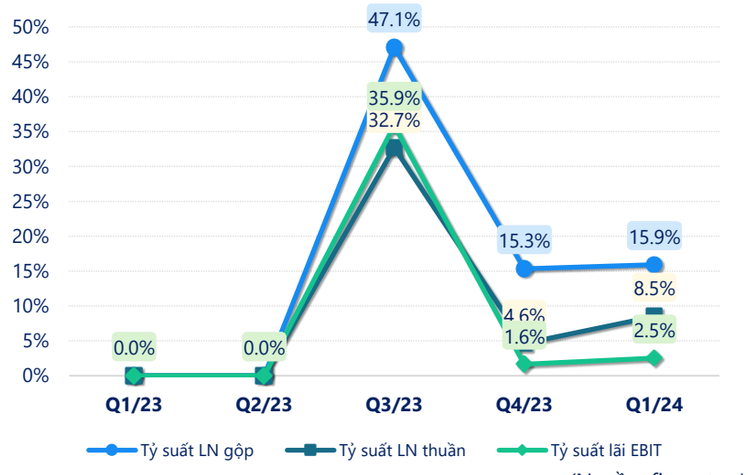
CTCP Hợp Nhất (UPCOM: AAH)

Kết quả kinh doanh



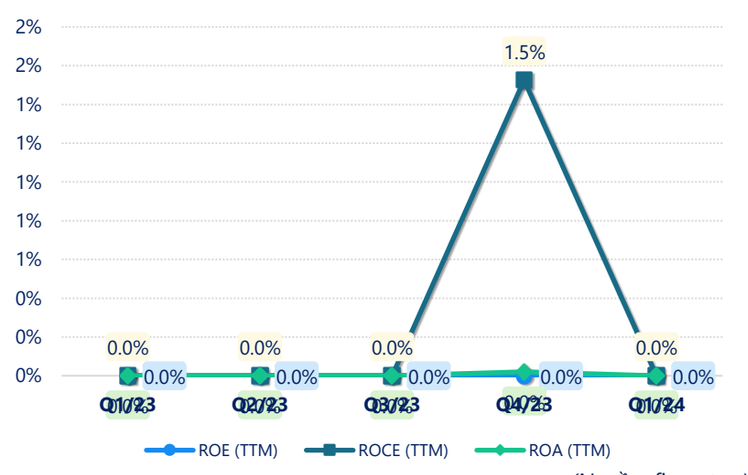
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



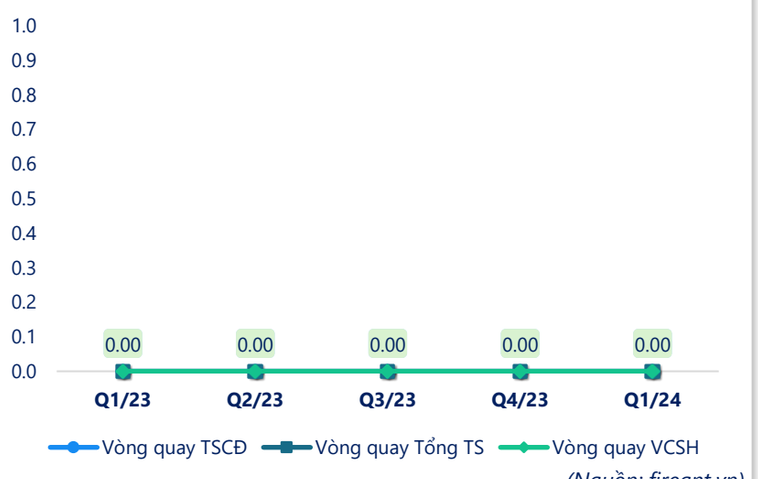
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



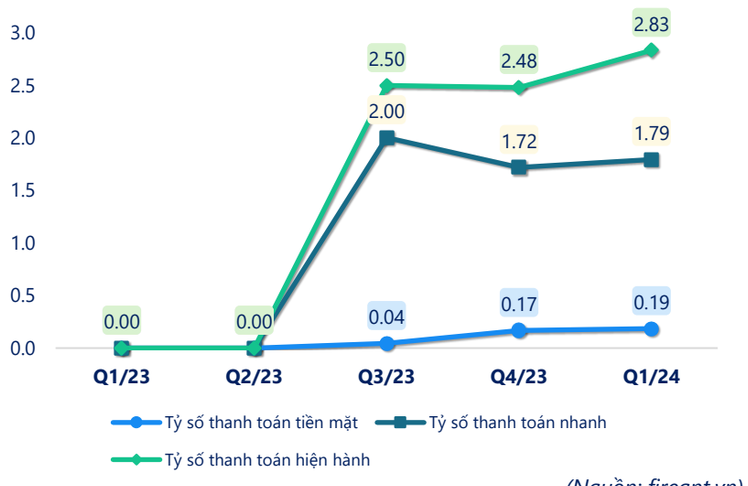
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



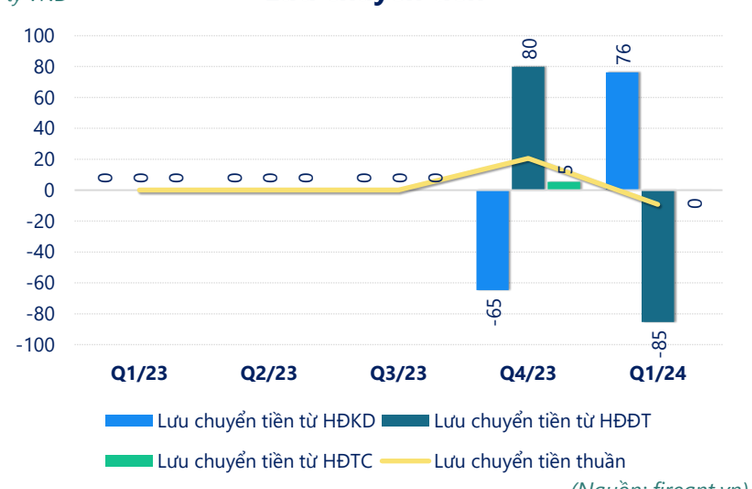
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Hợp Nhất (UPCOM: AAH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,297**	**1,324**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	329	419	-21.5%
Tiền và tương đương tiền	21.5	30.7	-30.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	187	259	-27.9%
Hàng tồn kho	120	129	-6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**969**	**905**	**7.0%**
Phải thu dài hạn	72.6	72.6	-0.1%
Tài sản cố định	556	574	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	92.9	85.0	9.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	161	85.8	88.0%
Tài sản dài hạn khác	**85.4**	**87.5**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	117	145	-18.9%
Nợ ngắn hạn	**116**	**143**	**-19.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.3	55.5	-0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.13	2.34	120%
Nợ dài hạn	1.38	1.38	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.72	0.72	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,180**	**1,179**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,180**	**1,179**	**0.1%**
Vốn điều lệ	1,179	1,179	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần			45.5	97.7	105
Giá vốn hàng bán			24.1	82.7	87.9
Lợi nhuận gộp			21.4	15.0	16.6
Doanh thu HĐTC			3.83	0.17	1.20
Chi phí TC			0.66	0.67	0.51
Chi phí lãi vay			0.66	0.67	0
LN trong công ty LKLD			0	0	0
Chi phí bán hàng			1.69	0.72	0.44
Chi phí QLDN			8.03	9.23	7.98
LN thuần từ HĐKD			14.9	4.52	8.89
Lợi nhuận khác			0.78	-3.58	-6.26
LN trước thuế			15.7	0.94	2.63
Lợi nhuận sau thuế			12.5	0.27	0.78
LNST của CĐ cty mẹ			12.5	0.27	0.78

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	-64.7	76.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	80.0	-85.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	5.32	-0.17
Tiền đầu kỳ	0	0	0	9.91	30.7
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**20.6**	**-9.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	30.5	21.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic